TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-20220
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Mỹ Linh

2. Bà Vanh Si Tha

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Néang S T, sinh năm 2002 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã O, huyện T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Chau C N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã O, huyện T, tỉnh A.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Chau S, sinh năm 1957, địa chỉ: Ấp P, xã O, huyện T, tỉnh A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 11/02/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Néang S T trình bày:

Bà T và ông N có thời gian quen biết, tự tìm hiểu nhau trước có tổ chức lễ cưới, đến ngày 16/12/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống và đã ly thân từ đó đến Ny chưa về chung sống lại. Do không còn tình cảm, bà Néang S T yêu cầu được ly hôn với ông Chau C N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Chau C N vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án và tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Trong quá trình tiến hành tố tụng do bị đơn cố tình vắng mặt Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn một số vi phạm về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời gian gửi thông báo cho đương sự còn chậm. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy bà T, ông N trên cơ sở, quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn hợp pháp vào 2020 hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Đến năm 2021 hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến cãi nhau, bà T và ông N đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 chưa về chung sống lại. Bà T kiên quyết ly hôn, mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với bà T tìm cách hàn gắn lại tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11 tháng 02 năm 2022 bà Néang S T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Chau C N, ông N cư trú tại ấp P, xã O, huyện T, tỉnh A. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Chau C N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 26/5/2022 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, tại phiên tòa hôm Ny bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã O vào năm 2020 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà T và ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận, bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không phù hợp, bà T và ông N đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay chưa về chung sống lại phù hợp với kết quả Biên bản xác minh ngày 18/4/2022, từ thời điểm ly thân đến nay các bên vẫn không tạo cơ hội gặp gỡ cùng nhau hàn gắn lại tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự yêu thương, quan tâm lẫn nhau, mức độ mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với bà T tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông N là có căn cứ.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Néang S T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Néang S T. Bà Néang S T được ly hôn với ông Chau C N

Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2020 ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã O, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Néang S T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008144 ngày 11-02-2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Néang S T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Ô Lâm;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng